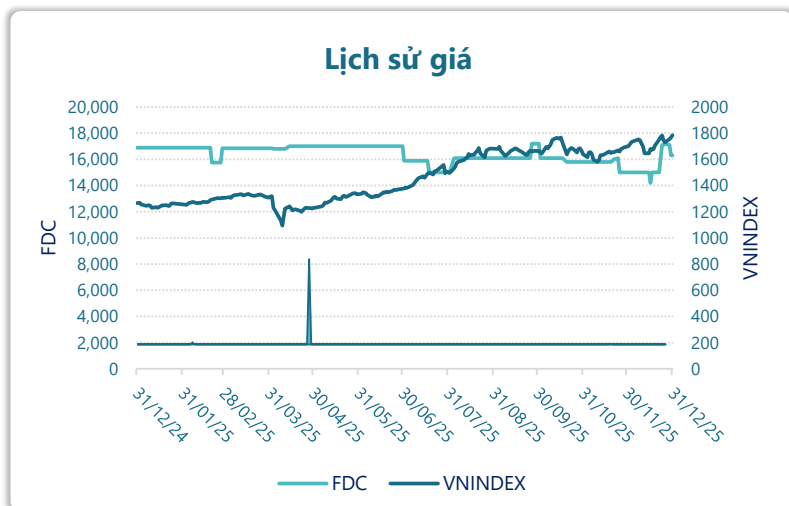


CTCP Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (HSX: FDC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	16,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,200
SL cổ phiếu LH	38,623,488
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,140
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	630
P/E	2.9
EPS	5,546

DT thuần
Q4/25

17.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.10| -0.8%

YoY: ▲ 5.30| 41.8%

LN sau thuế
Q4/25

183

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 174| 1840%

YoY: ▲ 179| 4667%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

307%

+/- YoY: ▲ 279%

DT thuần
2025

73.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 44.4| 153%

LN sau thuế
2025

214

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 209| 4132%

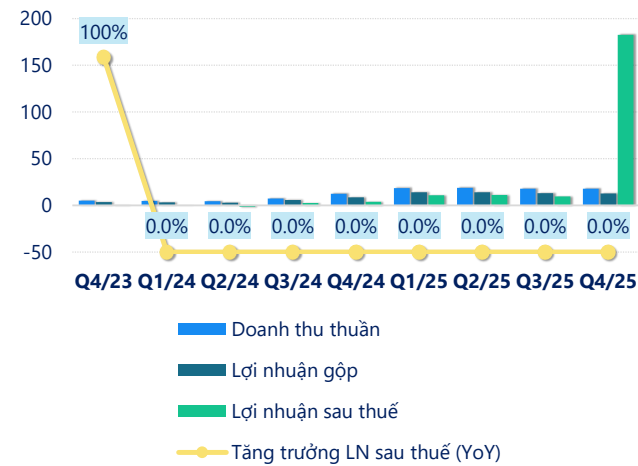
ROE
2025

38.4%

+/- YoY: ▲ 37.3%

tỷ VNĐ

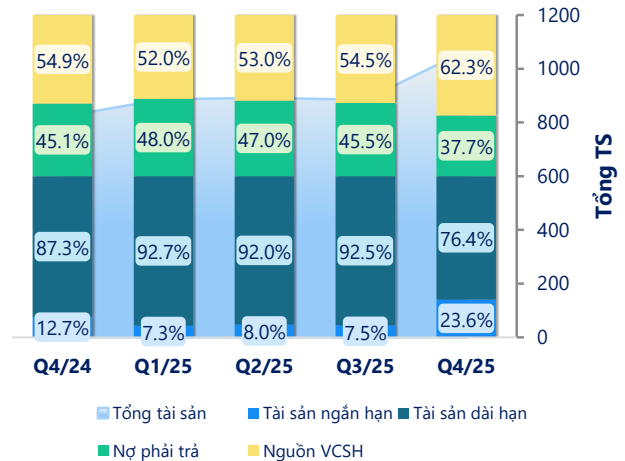
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

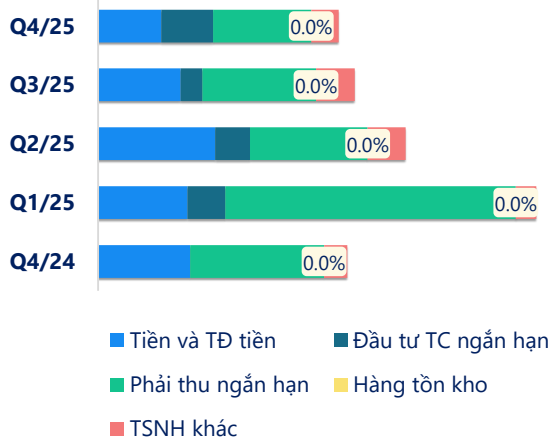
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



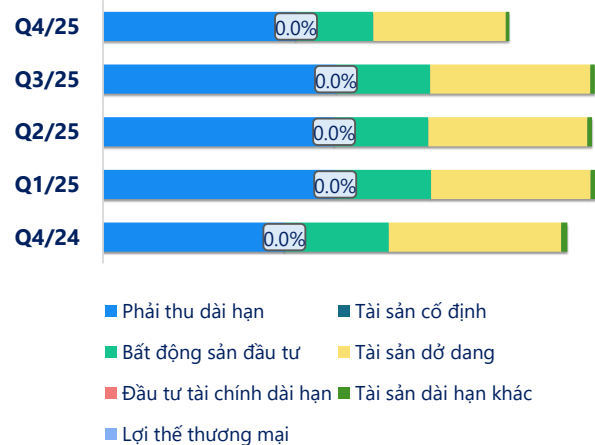
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

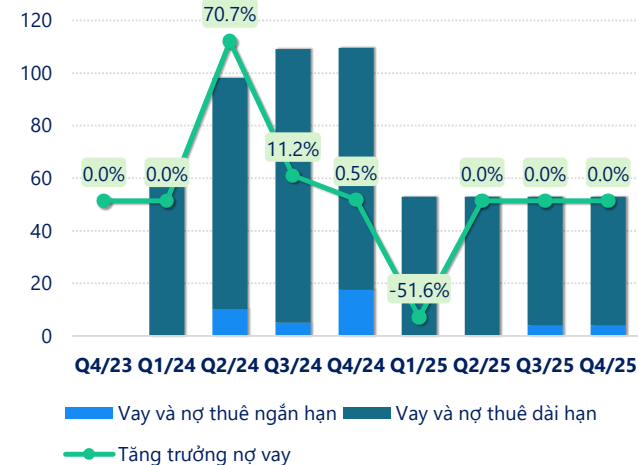
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

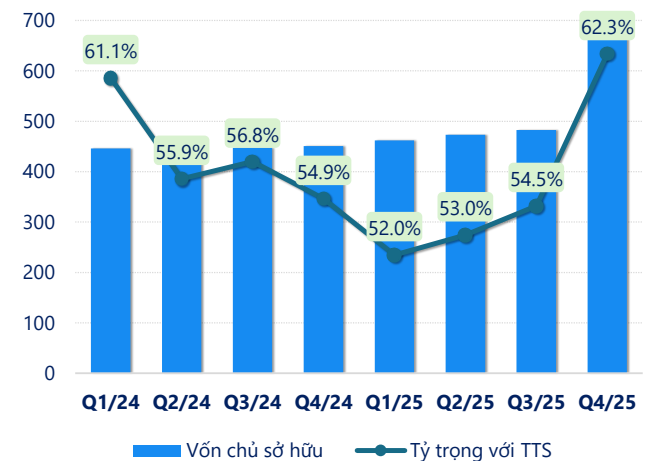
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

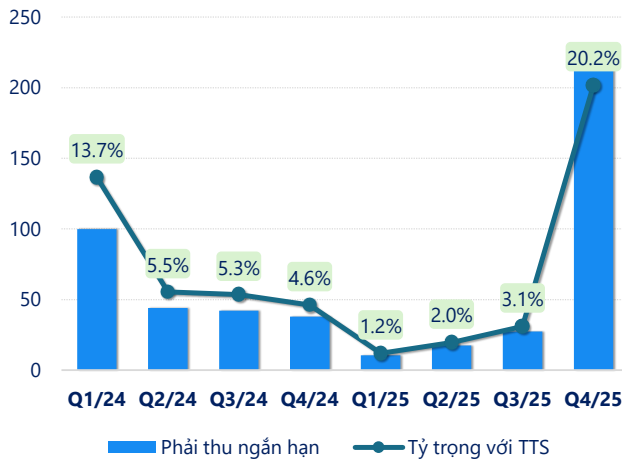
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

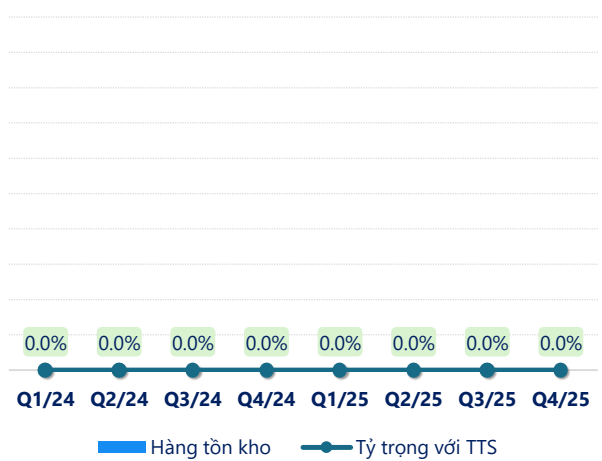
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

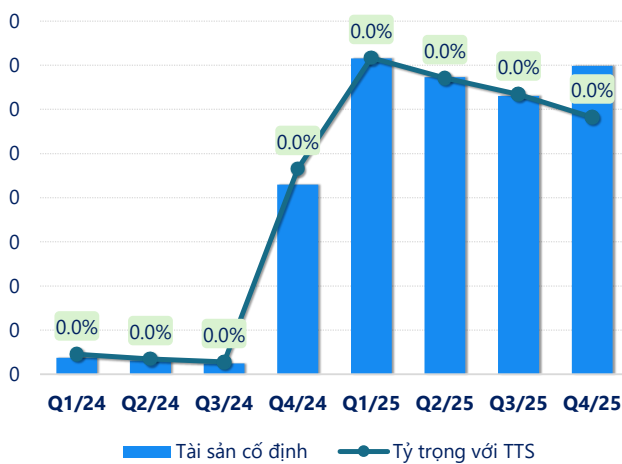
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

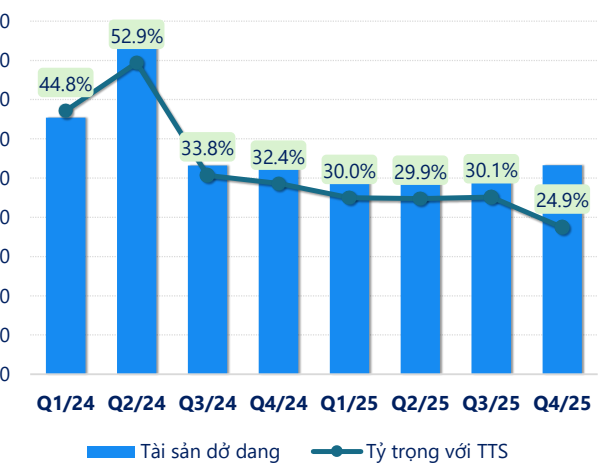
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

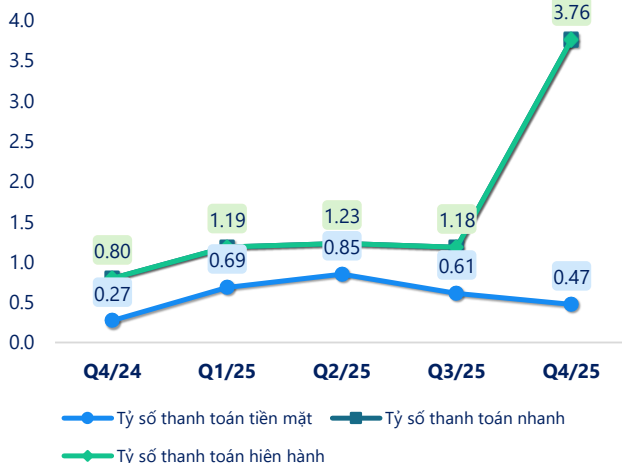
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



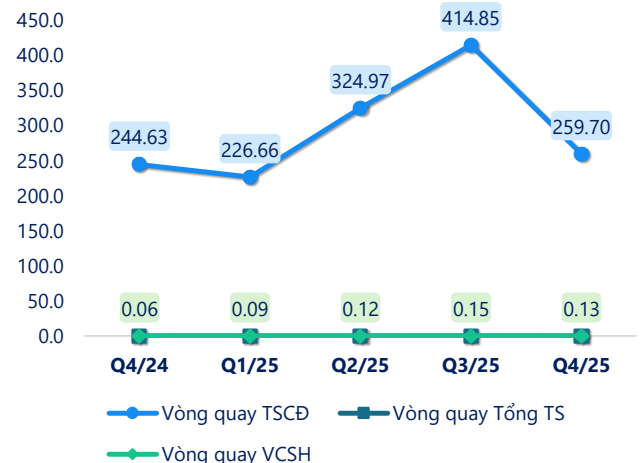
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	821	887	892	884	1,068
Tài sản ngắn hạn	104	64.6	71.3	66.5	252
Tiền và tương đương tiền	35.6	37.3	49.1	34.4	31.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	12.0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	37.9	10.6	17.4	27.4	215
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	10.6	4.76	4.71	4.77	4.66
Tài sản dài hạn	717	823	820	818	816
Phải thu dài hạn	280	387	387	387	387
Tài sản cố định	0.21	0.36	0.34	0.32	0.35
Bất động sản đầu tư	161	160	158	156	155
Tài sản dở dang	266	266	266	266	266
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	9.66	9.09	8.37	7.55	6.74
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	370	426	419	402	403
Nợ ngắn hạn	131	54.4	57.9	56.3	66.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.6	0	0	4.00	4.00
Phải trả người bán ngắn hạn	1.92	0.33	0.28	0.14	0.08
Nợ dài hạn	240	371	361	346	336
Vay và nợ thuê dài hạn	92.0	53.0	53.0	49.0	49.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	451	462	473	482	665
Vốn chủ sở hữu	451	462	473	482	665
Vốn điều lệ	386	386	386	386	386
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)